TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 70/2026/DS-ST Ngày 15 - 4 - 2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2026/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Đỗ Thành Trí T; chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ;.

2. Ông Đào Hồng C; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ;

Cùng địa chỉ liên hệ: V1 chi nhánh L1, Tầng B, Số F đường N, Tổ G, khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Là những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 020672.05/2025/UQN-PUN-RCC ngày 27/5/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phương L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số A, đường Đ, Tổ A, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2025, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đào Hồng C trình bày:

Ông Nguyễn Phương L đã vay vốn của Ngân hàng TMCP V (V1) theo các Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán với số tiền vay, thời hạn vay và mục đích vay như sau:

STT	Số Hợp đồng	Số tiền vay/ Hạn mức	thời hạn vay	Ngày giải ngân	Ngày quá hạn	Mục đích vay
1	PDPD2400539 893	0 đồng	2 tháng	07/02/2023	05/01/2024	vay tiêu dùng cá nhân
2	PDPD2404578 518	150,000,000 đồng	2 tháng	03/11/2017	14/02/2024	vay tiêu dùng cá nhân
3	261-P-391316	44,400,000 đồng	0 tháng	21/11/2017	06/01/2024	vay tiêu dùng cá nhân

Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, ông Nguyễn Phương L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V (V1) nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn và phí phạt. Tạm tính đến ngày 14/4/2026, ông Nguyễn Phương L còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiềngốc, lãi và phí phạt, cụ thể:

STT	Số Hợp đồng	Ngày giải ngân	Ngày quá hạn	Dư nợ phát vay	Dư nợ gốc hiện tại	Lãi và Phí phạt	Tổng cộng
1	PDPD2400539 893 (LN2302078289647)	07/02/2023	05/01/2024	150.000.000	0	6.925.512	6.925.512
2	PDPD2404578 518 (LN2302078289647)	03/11/2017	14/02/2024	150.000.000	147.983.562	93.632.093	241.615.655
3	261-P-391316 (LN1710300295114)	21/11/2017	06/01/2024	44.400.000	43.331.640	136.479.282	179.810.922
Tổng cộng				**344.400.000**	**191.315.202**	**237.036.887**	**428.352.089**

Do đó, Ngân hàng TMCP V (V1) đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Phương L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2026 theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số PDPD2400539893 ngày 07/02/2023, Hợp đồng cho vay PDPD 2404578518 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017 là 428.352.089đồng trong đó: Nợ gốc của khoản vay ngày 03/11/2017 là 149.983.562đồng; nợ lãi và phí phạt là 93.632.093đồng; nợ thẻ tín dụng là 179.810.922đồng, trong đó: nợ gốc 43.331.640đồng, lãi và phí phạt: 136.479.282đồng.

Kể từ ngày 15/4/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Phương L còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 136204898 ngày 07/02/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn ông Nguyễn Phương L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu gì đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Phương L, bị đơn ông L có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Phương L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên toà lần thứ hai mặc dù đã được Toà án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ông L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 136204898 ngày 07/02/2023 thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP V đã cấp hạn mức thấu chi cho ông Nguyễn Phương L số tiền 150.000.000 đồng và cấp Thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Phương L với hạn mức thẻ: 44.400.000đồng.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 136204898 ngày 07/02/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017 ông Nguyễn Phương L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V. Tính đến ngày 14/4/2026, ông Nguyễn Phương L còn nợ số tiền gốc: 191.315202đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phương L phải thanh toán nợ gốc nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 14/4/2026 là 237.036.887đồng, trong đó nợ thẻ tín dụng gồm lãi và phí phạt là 136.479.282đồng là đúng thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 136204898 ngày 07/02/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 184, 227, 228, 229, 235, 238, 254, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) đối với bị đơn ông Nguyễn Phương L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Phương L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2026 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 136204898 ngày 07/02/2023 là 428.352.089đồng trong đó: Nợ gốc khoản vay là 147.983.562 đồng; nợ lãi khoản vay là 93.632.093đồng và phí phạt là 6.925.512 đồng; nợ thẻ tín dụng là 179.810.922đồng.

Kể từ ngày 15/4/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Phương L còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 136204898 ngày 07/02/2023.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Phương L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.134.084 đồng (Hai mươi mốt triệu một trăm ba mươi bốn ngàn không trăm tám mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.448.000 đồng (tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0056557 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

TAND KHU VỰC 15

YZG150426.TL.QDBA
1112

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duy Nhân